Hackademics Hanoi
Hack your passion, Code your life!

CHƯƠNG 12
COLLECTIONS

Gói java.util

- Bao gồm các lớp hỗ trợ:
  - Thao tác trên tập hợp
  - Mô hình sự kiện
  - Thao tác trên dữ liệu Date, Time
  - Toàn cầu hóa ứng dụng
  - Thao tác trên Chuỗi

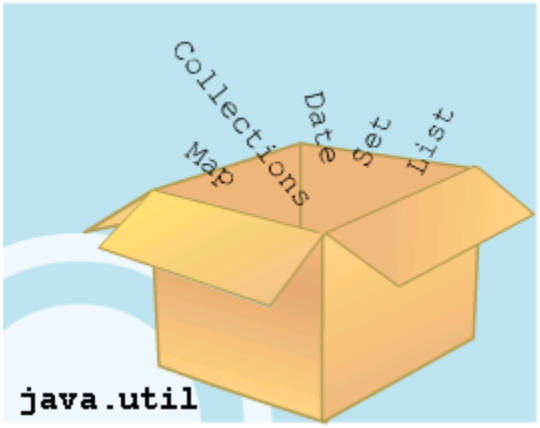

Tập hợp(Collections)

- Tập hợp dùng lưu trữ, thao tác trên một nhóm các đối tượng.
- Các đối tượng của tập hợp có thể thuộc nhiều loại dữ liệu khác nhau
- Số phần tử trong tập hợp có thể thêm hoặc bớt

Các giao diện của Tập Hợp

1. List
   - Lưu trữ các phần tử theo thứ tự được thêm vào
   - Truy xuất các phần tử theo chỉ mục(index)
   - Các phần tử trong List có thể trùng nhau.

2. Set
   - Các phần tử trong Set lưu trữ không theo thứ tự đã thêm vào .
   - Không chấp nhận các phần tử trùng.

3. SortedSet
   - Thừa kế từ Set
   - Lưu trữ các phần tử th eo thứ tự tăng.
   - Không chấp nhận các phần tử trùng.

4. Queue

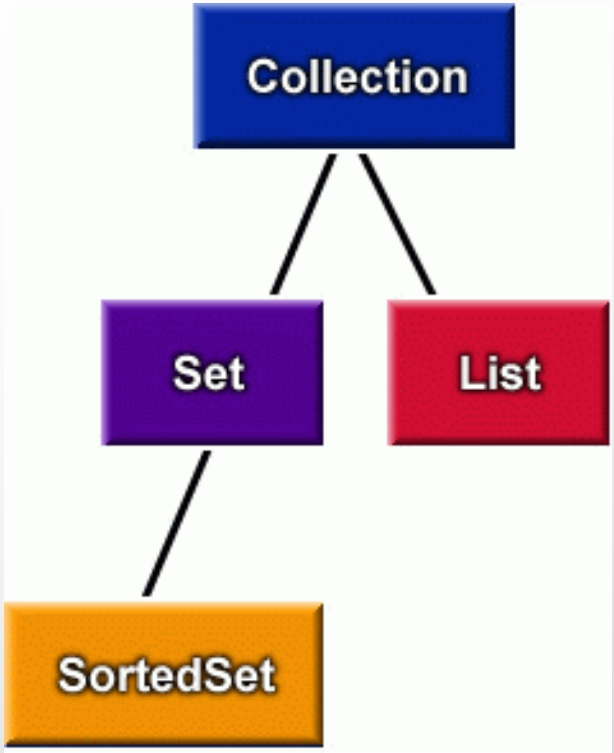

COLLECTION API

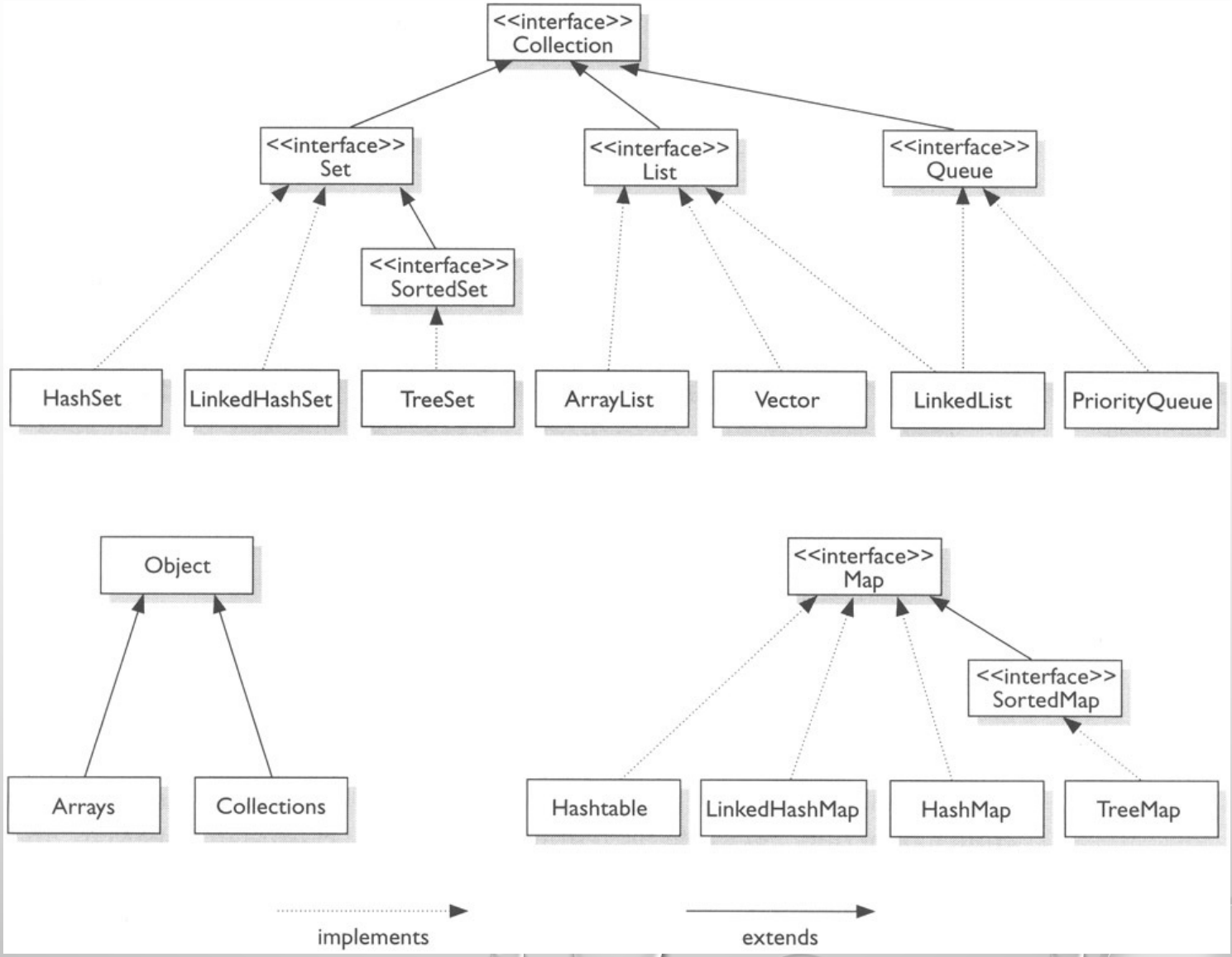

Các phương thức của các giao diện

Method Summary

boolean	**add**(E o) Ensures that this collection contains the specified element (optional operation).
boolean	**addAll**(Collection<? extends E> c) Adds all of the elements in the specified collection to this collection (optional operation).
void	**clear**() Removes all of the elements from this collection (optional operation).
boolean	**contains**(Object o) Returns `true` if this collection contains the specified element.
boolean	**containsAll**(Collection<?> c) Returns `true` if this collection contains all of the elements in the specified collection.
boolean	**isEmpty**() Returns `true` if this collection contains no elements.
Iterator<E>	**iterator**() Returns an iterator over the elements in this collection.
boolean	**remove**(Object o) Removes a single instance of the specified element from this collection, if it is present (optional operation).
boolean	**removeAll**(Collection<?> c) Removes all this collection's elements that are also contained in the specified collection (optional operation).
int	**size**() Returns the number of elements in this collection.

LIST

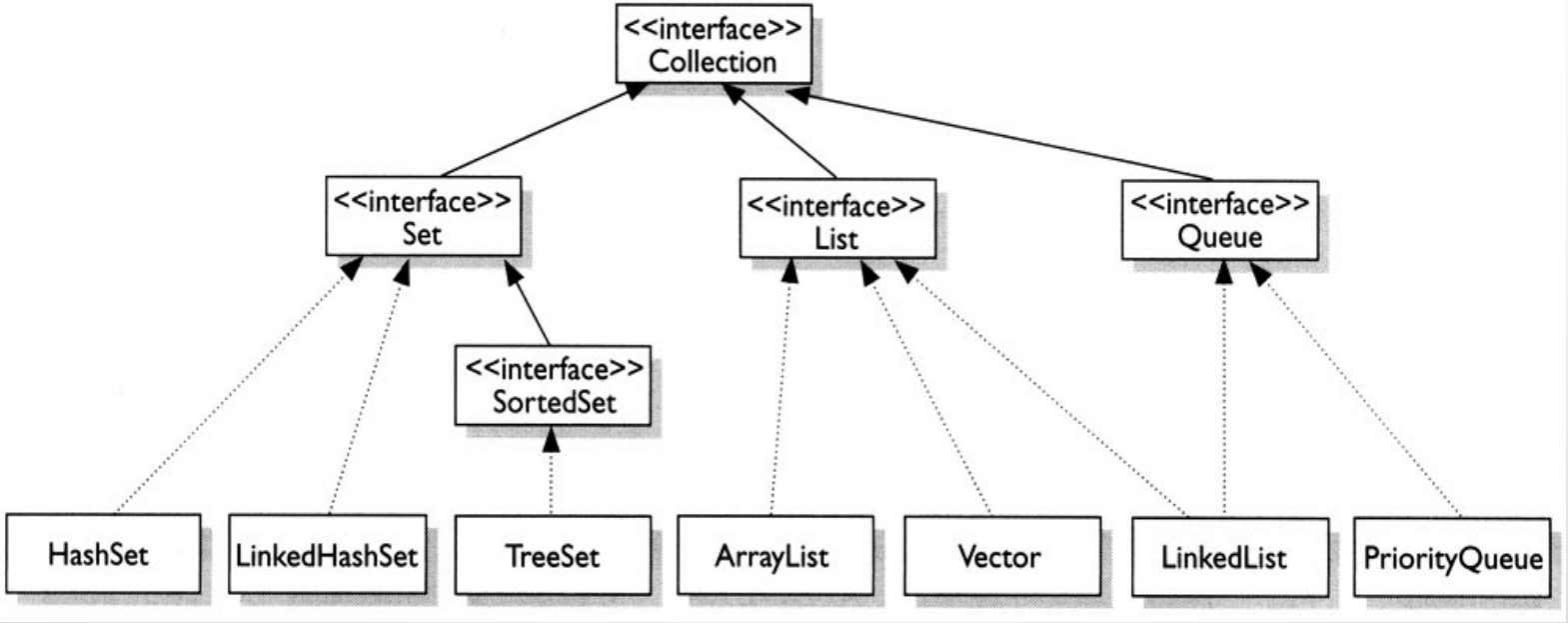

Các phương thức của List

Method Summary

boolean	**add**(E o) Appends the specified element to the end of this list (optional operation).
void	**add**(int index, E element) Inserts the specified element at the specified position in this list (optional operation).
boolean	**addAll**(Collection<? extends E> c) Appends all of the elements in the specified collection to the end of this list, in the order that they are returned
boolean	**addAll**(int index, Collection<? extends E> c) Inserts all of the elements in the specified collection into this list at the specified position (optional operation).
void	**clear**() Removes all of the elements from this list (optional operation).
E	**get**(int index) Returns the element at the specified position in this list.
E	**set**(int index, E element) Replaces the element at the specified position in this list with the specified element (optional operation).
E	**remove**(int index) Removes the element at the specified position in this list (optional operation).
boolean	**remove**(Object o) Removes the first occurrence in this list of the specified element (optional operation).
boolean	**removeAll**(Collection<?> c) Removes from this list all the elements that are contained in the specified collection (optional operation).
List<E>	**subList**(int fromIndex, int toIndex) Returns a view of the portion of this list between the specified `fromIndex`, inclusive, and `toIndex`, exclusive.

ARRAYLIST

- Là một "thực thi" của giao diện List
- Phù hợp khi cần truy xuất ngẫu nhiên các phần tử trong tập hợp .

Constructor Summary

`ArrayList()`	Constructs an empty list with an initial capacity of ten.
`ArrayList(Collection<? extends E> c)`	Constructs a list containing the elements of the specified collection, in the order they are returned by the collection's iterator.
`ArrayList(int initialCapacity)`	Constructs an empty list with the specified initial capacity.

Ví dụ về ArrayList

```
public static void main(String[] args)
{
    ArrayList list = new ArrayList();

    while (true)
    {
        Scanner scan = new Scanner(System.in);
        String s = scan.next();
        if (s.equalsIgnoreCase("end"))
        {
            break;
        }
        list.add(s);
    }

    for (int i = 0; i < list.size(); i++)
    {
        System.out.println((String) list.get(i));
    }
}
```

Output

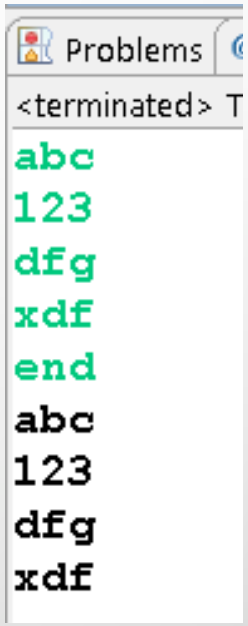

Lớp Vector

- Tương tự ArrayList
- Các phương thức của vector được đồng bộ → an toàn khi được sử dụng trong các Thread.

Constructor Summary

`Vector()`
Constructs an empty vector so that its internal data array has size 10 and its standard capacity increment is zero.

`Vector(Collection<? extends E> c)`
Constructs a vector containing the elements of the specified collection, in the order they are returned by the collection's iterator.

`Vector(int initialCapacity)`
Constructs an empty vector with the specified initial capacity and with its capacity increment equal to zero.

`Vector(int initialCapacity, int capacityIncrement)`
Constructs an empty vector with the specified initial capacity and capacity increment.

LinkedList

- Các phần tử được lưu trữ dạng một danh sách liên kết.

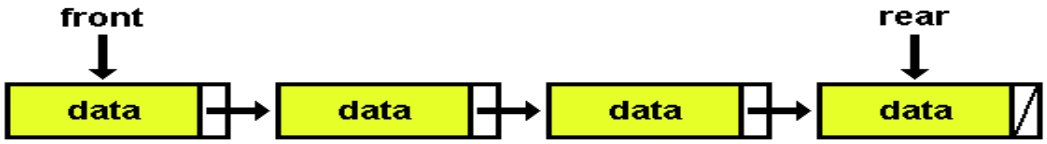

Constructor Summary

LinkedList()

Constructs an empty list.

LinkedList(Collection<? extends E> c)

Constructs a list containing the elements of the specified collection, in the order they are returned by the collection's iterator.

Các phương thức của lớp LinkedList

Method Summary

void	**addFirst**(E o) Inserts the given element at the beginning of this list.
void	**addLast**(E o) Appends the given element to the end of this list.
E	**getFirst**() Returns the first element in this list.
E	**getLast**() Returns the last element in this list.
E	**removeFirst**() Removes and returns the first element from this list.
E	**removeLast**() Removes and returns the last element from this list.

SET

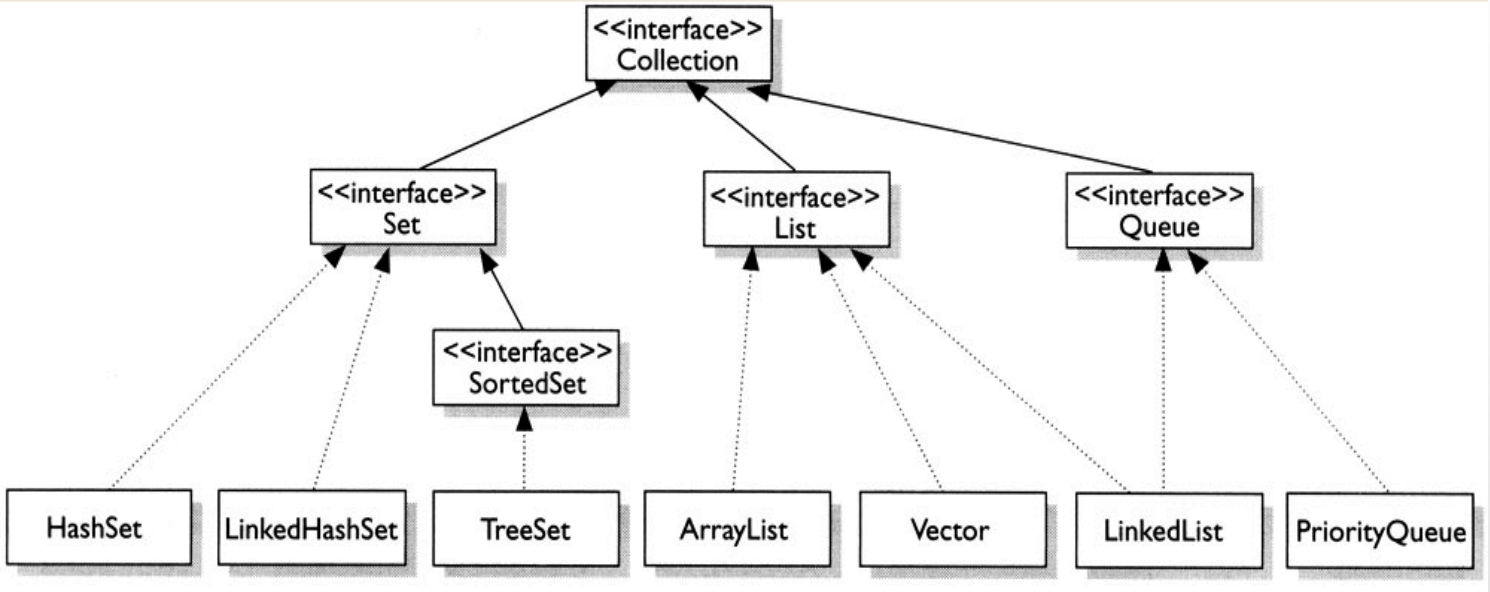

Các phương thức của Set

Method Summary

boolean	**add**(E o) Adds the specified element to this set if it is not already present (optional operation).
boolean	**addAll**(Collection<? extends E> c) Adds all of the elements in the specified collection to this set if they're not already present (optional operation).
void	**clear**() Removes all of the elements from this set (optional operation).
boolean	**contains**(Object o) Returns `true` if this set contains the specified element.
boolean	**containsAll**(Collection<?> c) Returns `true` if this set contains all of the elements of the specified collection.
boolean	**remove**(Object o) Removes the specified element from this set if it is present (optional operation).
boolean	**removeAll**(Collection<?> c) Removes from this set all of its elements that are contained in the specified collection (optional operation).

Giao diện SortedSet

- Thừa kế từ giao diên Set
- Không chấp nhận các đối tượng trùng nhau.

Method Summary	
Comparator<? super E>	**comparator**() Returns the comparator associated with this sorted set, or `null` if it uses its elements' natural ordering.
E	**first**() Returns the first (lowest) element currently in this sorted set.
SortedSet<E>	**headSet**(E toElement) Returns a view of the portion of this sorted set whose elements are strictly less than `toElement`.
E	**last**() Returns the last (highest) element currently in this sorted set.
SortedSet<E>	**subSet**(E fromElement, E toElement) Returns a view of the portion of this sorted set whose elements range from `fromElement`, inclusive, to `toE`
SortedSet<E>	**tailSet**(E fromElement) Returns a view of the portion of this sorted set whose elements are greater than or equal to `fromElement`.

Lớp HashSet

- Thực thi giao diện Set

- Sử dụng Hash Table để lưu dữ liệu.

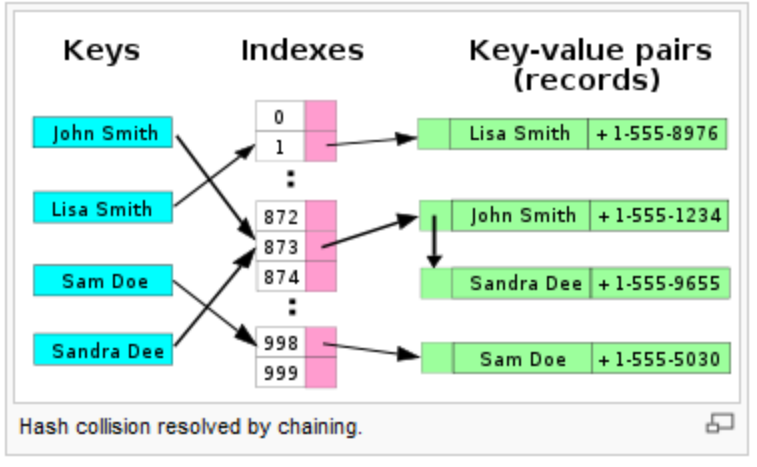

Các constructor của HashSet

Constructor Summary

`HashSet()`

Constructs a new, empty set; the backing `HashMap` instance has default initial capacity (16) and load factor (0.75).

`HashSet(Collection<? extends E> c)`

Constructs a new set containing the elements in the specified collection.

`HashSet(int initialCapacity)`

Constructs a new, empty set; the backing `HashMap` instance has the specified initial capacity and default load factor, which is `0.75`.

`HashSet(int initialCapacity, float loadFactor)`

Constructs a new, empty set; the backing `HashMap` instance has the specified initial capacity and the specified load factor.

Lớp LinkedHashSet

- Kết hợp giữa HashSet và LinkedList
- Sử dụng một List để duy trì thứ tự của các phần tử như khi chúng được thêm vào

Constructor Summary

`LinkedHashSet()`	Constructs a new, empty linked hash set with the default initial capacity (16) and load factor (0.75).
`LinkedHashSet(Collection<? extends E> c)`	Constructs a new linked hash set with the same elements as the specified collection.
`LinkedHashSet(int initialCapacity)`	Constructs a new, empty linked hash set with the specified initial capacity and the default load factor (0.75).
`LinkedHashSet(int initialCapacity, float loadFactor)`	Constructs a new, empty linked hash set with the specified initial capacity and load factor.

Ví dụ HashSet và LinkedHashSet

```
public void testHashSet()
{
    HashSet hs = new HashSet();
    hs.add("XYS");
    hs.add("A");
    hs.add("B");

    System.out.println("HashSet content:");
    for (Iterator i = hs.iterator(); i.hasNext();)
    {
        System.out.println(i.next());
    }
}
```

```
HashSet content:
A
XYS
B
```

```
public void testLinkedHashSet()
{
    LinkedHashSet lhs = new LinkedHashSet();
    lhs.add("XYS");
    lhs.add("A");
    lhs.add("B");

    System.out.println("LinkedHashSet content:");
    for (Iterator i = lhs.iterator(); i.hasNext();)
    {
        System.out.println(i.next());
    }
}
```

```
LinkedHashSet content:
XYS
A
B
```

Lớp TreeSet

- Lưu giữ liệu theo cấu trúc "cây".
- Các phần tử được lưu trữ theo thứ tự tăng dần

Constructor Summary

`TreeSet()` Constructs a new, empty set, sorted according to the elements' natural order.
`TreeSet(Collection<? extends E> c)` Constructs a new set containing the elements in the specified collection, sorted according to the elements' *natural order*.
`TreeSet(Comparator<? super E> c)` Constructs a new, empty set, sorted according to the specified comparator.
`TreeSet(SortedSet<E> s)` Constructs a new set containing the same elements as the specified sorted set, sorted according to the same ordering.

Map

- MAP lưu trữ dữ liệu theo từng cặp: khóa – giá trị (key-value)
- Các giá trị được lấy từ MAP thông qua khóa của nó.
- Các khóa trong MAP phải duy nhất.

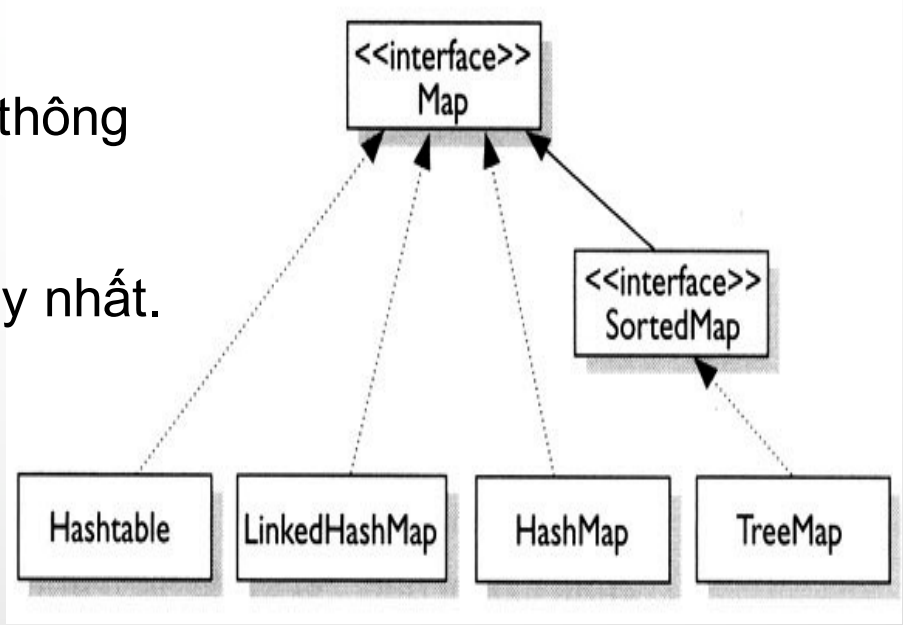

Các phương thức của Map

Method Summary

boolean	**containsKey**(Object key) Returns true if this map contains a mapping for the specified key.
boolean	**containsValue**(Object value) Returns true if this map maps one or more keys to the specified value.
V	**get**(Object key) Returns the value to which this map maps the specified key.
V	**put**(K key, V value) Associates the specified value with the specified key in this map (optional operation).
void	**putAll**(Map<? extends K,? extends V> t) Copies all of the mappings from the specified map to this map (optional operation).
V	**remove**(Object key) Removes the mapping for this key from this map if it is present (optional operation).
int	**size**() Returns the number of key-value mappings in this map.
Collection<V>	**values**() Returns a collection view of the values contained in this map.

Lớp HashMap

- Thực thi giao diện MAP

Constructor Summary

`HashMap()`
Constructs an empty `HashMap` with the default initial capacity (16) and the default load factor (0.75).

`HashMap(int initialCapacity)`
Constructs an empty `HashMap` with the specified initial capacity and the default load factor (0.75).

`HashMap(int initialCapacity, float loadFactor)`
Constructs an empty `HashMap` with the specified initial capacity and load factor.

`HashMap(Map<? extends K,? extends V> m)`
Constructs a new `HashMap` with the same mappings as the specified `Map`.

Ví dụ về HashMap

```
public void testHashMap()
{
    HashMap hMap = new HashMap();

    hMap.put("K1", "Hi");
    hMap.put("K2", "Hello");
    hMap.put("K3", "Morning");
    hMap.put("K3", "Bonjour");

    System.out.println("HashMap content:");

    Set keySet = hMap.keySet();
    for (Iterator i = keySet.iterator(); i.hasNext();)
    {
        Object key = i.next();
        System.out.println(key + "- " + hMap.get(key));
    }
}
```

```
HashMap content:
K3- Bonjour
K1- Hi
K2- Hello
```

Lớp TreeMap

- Lưu trữ các phần tử theo cấu trúc cây
- Các phần tử sắp xếp dựa trên giá trị của khóa.

Constructor Summary

`TreeMap()`
Constructs a new, empty map, sorted according to the keys' natural order.

`TreeMap(Comparator<? super K> c)`
Constructs a new, empty map, sorted according to the given comparator.

`TreeMap(Map<? extends K,? extends V> m)`
Constructs a new map containing the same mappings as the given map, sorted according to the keys' *natural order*.

`TreeMap(SortedMap<K,? extends V> m)`
Constructs a new map containing the same mappings as the given `SortedMap`, sorted according to the same ordering.

Các phương thức của TreeMap

Method Summary	
K	**firstKey**() Returns the first (lowest) key currently in this sorted map.
K	**lastKey**() Returns the last (highest) key currently in this sorted map.
SortedMap<K,V>	**headMap**(K toKey) Returns a view of the portion of this map whose keys are strictly less than `toKey`.
SortedMap<K,V>	**tailMap**(K fromKey) Returns a view of the portion of this map whose keys are greater than or equal to `fromKey`.

Ví dụ “TreeMap"

```
public void testTreeMap()
{
    TreeMap treeMap = new TreeMap();
    treeMap.put("101", "Hello");
    treeMap.put("102", "Hi");
    treeMap.put("103", "Morning");
    treeMap.put("104", "Bonjour");

    // Get first element
    Object fkey = treeMap.firstKey();
    System.out.println("First element: " + treeMap.get(fkey));

    // Get last element
    Object lkey = treeMap.lastKey();
    System.out.println("Last element: " + treeMap.get(lkey));

    System.out.println("Elements before key 103");
    SortedMap smap = treeMap.headMap("103");
    Set hMapKeys = smap.keySet();
    for (Iterator i = hMapKeys.iterator(); i.hasNext();)
    {
        Object key = (Object) i.next();
        System.out.println(smap.get(key));
    }
}
```

```
First element: Hello
Last element: Bonjour
Elements before key 103
Hello
Hi
```

Lớp “LinkedHashMap"

- Các phần tử trong tập hợp được duy trì thứ tự như khi chúng được thêm vào

Constructor Summary

`LinkedHashMap()` Constructs an empty insertion-ordered `LinkedHashMap` instance with a default capacity (16) and load factor (0.75).
`LinkedHashMap(int initialCapacity)` Constructs an empty insertion-ordered `LinkedHashMap` instance with the specified initial capacity and a default load factor (0.75).
`LinkedHashMap(int initialCapacity, float loadFactor)` Constructs an empty insertion-ordered `LinkedHashMap` instance with the specified initial capacity and load factor.
`LinkedHashMap(int initialCapacity, float loadFactor, boolean accessOrder)` Constructs an empty `LinkedHashMap` instance with the specified initial capacity, load factor and ordering mode.
`LinkedHashMap(Map<? extends K,? extends V> m)` Constructs an insertion-ordered `LinkedHashMap` instance with the same mappings as the specified map.

Các phương thức của LinkedHashMap

Method Summary

void	**clear**() Removes all mappings from this map.
boolean	**containsValue**(Object value) Returns true if this map maps one or more keys to the specified value.
V	**get**(Object key) Returns the value to which this map maps the specified key.
protected boolean	**removeEldestEntry**(Map.Entry<K,V> eldest) Returns true if this map should remove its eldest entry.

Hàng đợi (Queues) và Mảng(Arrays)

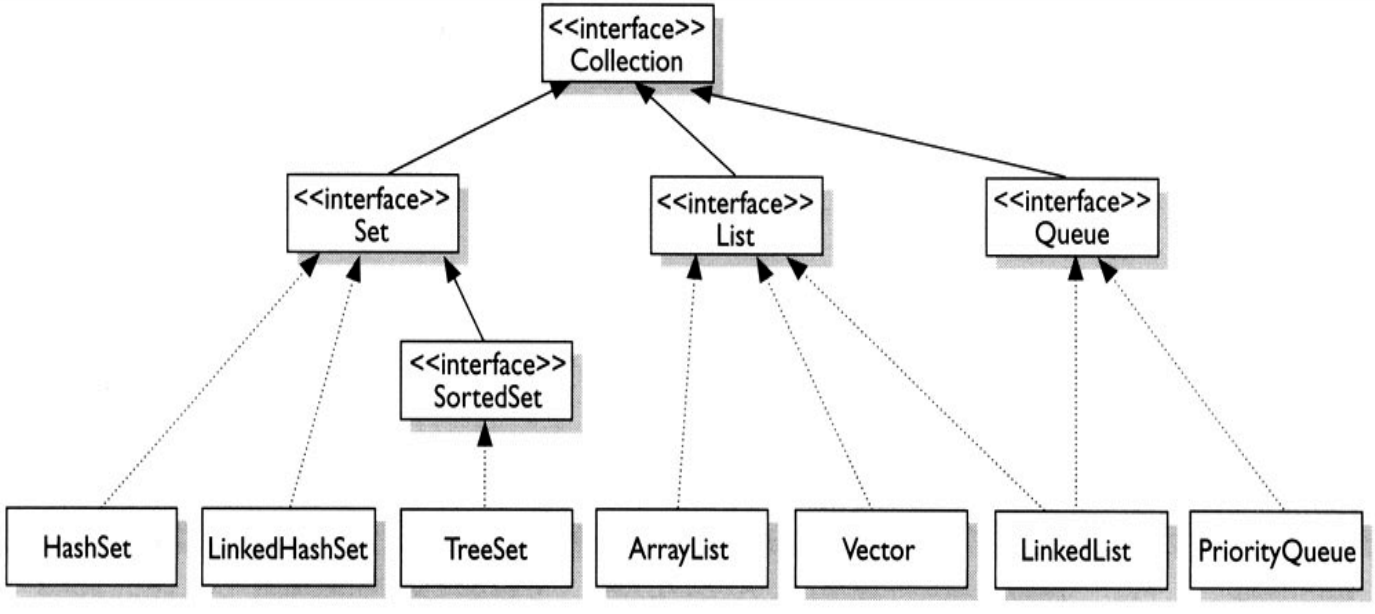

Giao diện QUEUE

- Queue: Các phần tử được truy xuất theo thứ tự First In First Out (FIFO).

- Priority queue(hàng đợi ưu tiên)Thứ tự truy xuất các phần tử phụ thuộc vào giá trị của chúng.

Các phương thức của Queue

Method Summary	
E	**element**() Retrieves, but does not remove, the head of this queue.
boolean	**offer**(E o) Inserts the specified element into this queue, if possible.
E	**peek**() Retrieves, but does not remove, the head of this queue, returning `null` if this queue is empty.
E	**poll**() Retrieves and removes the head of this queue, or `null` if this queue is empty.
E	**remove**() Retrieves and removes the head of this queue.

Lớp PriorityQueue

- Các phần tử được sắp xếp theo thứ tự tự nhiên hoặc dựa vào một comparator.

- Không chấp nhận phần tử có giá trị null.

Các Constructor của PriorityQueue

Constructor Summary

`PriorityQueue()`	Creates a `PriorityQueue` with the default initial capacity (11) that orders its elements according to their natural ordering (using `Comparable`).
`PriorityQueue(Collection<? extends E> c)`	Creates a `PriorityQueue` containing the elements in the specified collection.
`PriorityQueue(int initialCapacity)`	Creates a `PriorityQueue` with the specified initial capacity that orders its elements according to their natural ordering (using `Comparable`).
`PriorityQueue(int initialCapacity, Comparator<? super E> comparator)`	Creates a `PriorityQueue` with the specified initial capacity that orders its elements according to the specified comparator.
`PriorityQueue(PriorityQueue<? extends E> c)`	Creates a `PriorityQueue` containing the elements in the specified collection.
`PriorityQueue(SortedSet<? extends E> c)`	Creates a `PriorityQueue` containing the elements in the specified collection.

Các phương thức của PriorityQueue

Method Summary	
boolean	**add**(E o) Adds the specified element to this queue.
void	**clear**() Removes all elements from the priority queue.
Comparator<? super E>	**comparator**() Returns the comparator used to order this collection, or null if this collection is sorted accordi Comparable).
Iterator<E>	**iterator**() Returns an iterator over the elements in this queue.
boolean	**offer**(E o) Inserts the specified element into this priority queue.
E	**peek**() Retrieves, but does not remove, the head of this queue, returning null if this queue is empty.
E	**poll**() Retrieves and removes the head of this queue, or null if this queue is empty.
boolean	**remove**(Object o) Removes a single instance of the specified element from this queue, if it is present.
int	**size**() Returns the number of elements in this collection.

Ví dụ về PriorityQueue

```
public void testPriorityQueue()
{
    PriorityQueue pQueue = new PriorityQueue();

    pQueue.offer("Hello");
    pQueue.offer("Bonjour");
    pQueue.offer("Konichiowa");
    pQueue.offer("Abc");

    System.out.println("1. Comparator: " + pQueue.comparator());
    System.out.println("2. Content of Priority Queue");
    for (Iterator i = pQueue.iterator(); i.hasNext();)
    {
        System.out.print(i.next() + " - ");
    }
    System.out.println("");
    System.out.println("3. Retrieve and remove head element: " + pQueue.poll());

    System.out.println("4. Now, content of Priority Queue is:");
    for (Iterator i = pQueue.iterator(); i.hasNext();)
    {
        System.out.print(i.next() + " - ");
    }
}
```

Output

```
1. Comparator: null
2. Content of Priority Queue
Abc - Bonjour - Konichiowa - Hello -
3. Retrieve and remove head element: Abc
4. Now, content of Priority Queue is:
Bonjour - Hello - Konichiowa -
```

Lớp Arrays

- Chứa các phương thức cho phép thao tác trên mảng (sorting, searching)
-

Các phương thức của lớp Arrays

- equals(<type>[] arrObj1, <type>[] arrObj2)
- fill(<type>[] array, <type> value>)
- fill (<type>[] array, int fromIndex, int toIndex, type value)
- sort(<type> [] array)
- sort(<type> [] array, int startindex, int endIndex)
- toString()

Ví dụ Arrays

```
public void testArrays()
{
    int a[] = new int[3];
    a[0] = 9;
    a[1] = 6;
    a[2] = 3;

    Arrays.sort(a);

    System.out.println("Array after sorted:");
    for (int i = 0; i < a.length; i++)
    {
        System.out.println(a[i]);
    }
}
```

Output

```
Array after sorted:
3
6
9
```

THAT'S ABOUT ALL FOR TODAY!

- "java.util" Package
- List Classes and Interfaces
- Set Classes and Interfaces
- **Map Classes and Interfaces**
- **Queues and Arrays**

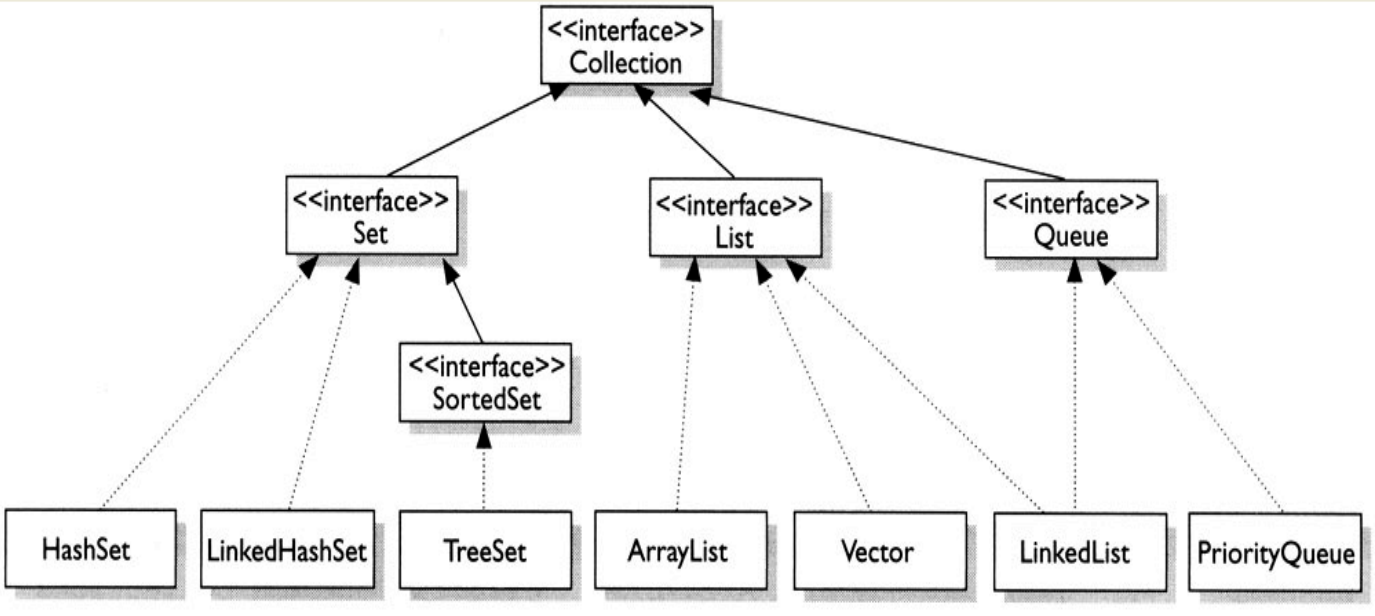

HẾT

CHƯƠNG 12